TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2023/HNGĐ -ST
Ngày 26/7/2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Danh Hưởng;
2/. Bà Dương Thị Tú Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2023/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị T T T, sinh năm 1995;
Địa chỉ: ấp Phước Tân, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2/. Bị đơn: Anh Đ M T, sinh năm 1988;
Địa chỉ: ấp Bình Hổ, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
(ChịT và anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị T T T trình bày: Chị với anh Đ M T làm cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2017, còn ngày thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị và anh

không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh và chị. Nay chịT yêu cầu ly hôn với anh T. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Đ M T trình bày: Thống nhất với lời khai của chị T T T; về hôn nhân, anh và chịT làm cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2017 còn ngày tháng thì không nhớ, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long. Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị chưa có con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh và chị không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị, anh. Nay anh không đồng ý ly hôn với chịT. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T T T, cho chịT được ly hôn với anh Đ M T.

+ Về con chung: không có con chung, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 chịT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T T T kiện anh Đ M T về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Anh Đ M T có địa chỉ ấp Bình Hổ, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vì vậy Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. ChịT, anh T có đơn xin vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt chịT, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị T T T xác định chị với anh Đ M T làm đám cưới năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Trích lục ghi chú kết hôn ngày 15/3/2017, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, thể hiện chị T T T và anh Đ M T đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2017. Xét thấy, quan

hệ hôn nhân của chịT và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chịT yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chịT và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, theo lời khai của chịT và anh T thì chịT và anh T không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T T T, cho chịT được ly hôn với anh Đ M T.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị T T T và anh Đ M T thì chịT và anh T chưa có con chung, chịT không có yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chịT và anh T thì chịT và anh T không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. ChịT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị T T T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và điểm a, b khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T T T, cho chị T T T được ly hôn với anh Đ M T.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị T T T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chịT đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012753 ngày 14 tháng 6 năm 2023 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Anh Đ M T không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn